

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG
VIỆT NAM**

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

MỤC LỤC	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét đối với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	3 - 4
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	6 - 16
Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	17 - 31

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 50/UBCK-GP ngày 26 tháng 10 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và điều chỉnh gần nhất số 46/GPĐC-UBCK được cấp ngày 21 tháng 6 năm 2024.

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp

Số 0105059466 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 14) được cấp ngày 28 tháng 6 năm 2024.

Hội đồng Thành viên

Bà Bùi Thu Trang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 18/7/2025)
Ông Lê Huy Hải	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 18/7/2025)
Ông Đoàn Ngọc Đoan	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/1/2025)
Ông Khổng Phan Đức	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/1/2025)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Đình Phúc	Trưởng ban
--------------------	------------

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Đức	Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15/1/2025)
Ông Khổng Phan Đức	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/1/2025)
Bà Phan Hải Sâm	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Bà Bùi Thu Trang	Chủ tịch Hội đồng Thành viên (bổ nhiệm ngày 18/7/2025)
Ông Lê Huy Hải	Chủ tịch Hội đồng Thành viên (miễn nhiệm ngày 18/7/2025)

Trụ sở chính

Tầng 6 Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam, Số 34 Phố Cửa Nam, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty đối với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 ("Báo cáo") phù hợp với các quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành ("Thông tư 91/2020/TT-BTC").

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập Báo cáo tuân thủ theo phương pháp lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được trình bày ở Thuyết minh 3 của Báo cáo. Ban Tổng giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Bà Phan Hải Sâm - Phó Tổng Giám đốc của Công ty để phê duyệt và ký báo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo Thư Ủy quyền số 03/GUQ-QLQ-TCHC ngày 18 tháng 7 năm 2025.

Phê chuẩn báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo từ trang 6 đến trang 31. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC.



Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Thành phố Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2025

**BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG
MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 kèm theo (“Báo cáo”) của Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Công ty”) được Phó Tổng Giám đốc của Công ty (theo ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật của Công ty) phê chuẩn vào ngày 12 tháng 8 năm 2025. Báo cáo này bao gồm báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và thuyết minh bao gồm cơ sở và phương pháp lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính từ trang 6 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo phù hợp với các quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 91/2020/TT-BTC”) quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*, trong phạm vi các nguyên tắc này có thể được áp dụng cho công việc soát xét thông tin tài chính quá khứ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 28 3823 0796

©2025 Công ty TNHH PwC (Việt Nam). Bảo lưu mọi quyền. Trong tài liệu này, “PwC” là Công ty TNHH PwC (Việt Nam), và trong một số trường hợp có thể là mạng lưới PwC, trong đó mỗi công ty thành viên là một pháp nhân độc lập và riêng biệt. Vui lòng truy cập www.pwc.com/structure để biết thêm chi tiết.



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC.

Mục đích và cơ sở lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và giới hạn sử dụng báo cáo soát xét

Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.1 của Báo cáo về mục đích và cơ sở lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Báo cáo này được lập chỉ nhằm tuân thủ các quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC về chỉ tiêu an toàn tài chính và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Do đó, báo cáo soát xét này và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.



Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Đỗ Đức Hậu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2591-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HAN 4186
TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2025

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần
Công thương Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Số Công văn:

V/v: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Phụ trách kế toán



Trần Mạnh Tiến

Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ



Bùi Thị Quý

Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ được ủy quyền



Phan Hải Sâm

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
A	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	300.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	23.862.826.083		
5	Quỹ đầu tư phát triển (nếu có)	-		
6	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	30.691.810.009		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	67.209.644.767		
9	Số dự phòng suy giảm giá trị tài sản	23.343.610.426		
10	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
11	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		16.155.652.702	10.720.695.792
14	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng	445.107.891.285	16.155.652.702	10.720.695.792

Các thuyết minh từ trang 17 đến trang 31 là một phần cấu thành của báo cáo này.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP THEO)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
B	Tài sản ngắn hạn	(1)	(2)	(3)
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1.	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 6		-	
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác		1.795.024.654	
1.	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		145.994.516	
2.	Trả trước cho người bán		20.000.000	
3.	Phải thu hoạt động nghiệp vụ			
	Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4.	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	

Các thuyết minh từ trang 17 đến trang 31 là một phần cấu thành của báo cáo này.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP THEO)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
B	Tài sản ngắn hạn (tiếp theo)	(1)	(2)	(3)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác (tiếp theo)			
6.	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		1.629.030.138	
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
IV	Hàng tồn kho		-	
V	Tài sản ngắn hạn khác		1.470.622.892	
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		224.919.679	
2.	Thuế GTGT được khấu trừ			
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước		1.220.703.213	
4.	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		25.000.000	
1B	Tổng		3.265.647.546	

C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác			
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	
3.	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4.	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
II	Tài sản cố định		78.499.726	
III	Bất động sản đầu tư		-	

Các thuyết minh từ trang 17 đến trang 31 là một phần cấu thành của báo cáo này.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP THEO)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
C	Tài sản dài hạn (tiếp theo)	(1)	(2)	(3)
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1.	Đầu tư vào công ty con		-	
2.	Vốn góp liên doanh		-	
3.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	
4.	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 6		-	
5.	Các khoản đầu tư dài hạn ra nước ngoài		-	
6.	Đầu tư dài hạn khác		-	
7.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
V	Tài sản dài hạn khác		34.156.413	
1.	Chi phí trả trước dài hạn		19.156.413	
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
3.	Ký cược, ký quỹ dài hạn		15.000.000	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 6		-	
1C	Tổng		112.656.139	
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C				436.294.630.690

Ghi chú: Các chỉ tiêu không áp dụng cho mục đích lập được bảng tính vốn khả dụng không được thể hiện số liệu.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I	Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			-
1	Tiền mặt (VND)	0%	2.843.456.265	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	3.000.000.000	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	122.000.000.000	-
II	Trái phiếu Chính phủ			-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cuống phiếu: Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương.	3%	-	-
III	Trái phiếu tổ chức tín dụng			-
6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
IV	Trái phiếu doanh nghiệp			-
7	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết			-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
8	Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết			-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-

Các thuyết minh từ trang 17 đến trang 31 là một phần cấu thành của báo cáo này.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

I. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)

A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP THEO)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
IV	Trái phiếu doanh nghiệp (tiếp theo)			-
8	Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết (tiếp theo)			-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
V	Cổ phiếu			6.484.075.150
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	3.698.131.500	369.813.150
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	30.571.310.000	6.114.262.000
12	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
13	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	-	-
VI	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			6.072.069.579
14	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	60.720.695.792	6.072.069.579
15	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-
VII	Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			-
16	Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định	30%	-	-
17	Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20%	-	-
18	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25%	-	-
19	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	40%	-	-
20	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80%	-	-

Các thuyết minh từ trang 17 đến trang 31 là một phần cấu thành của báo cáo này.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)

A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP THEO)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
VIII	Các tài sản khác			169.200.000.000
21	Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần.	100%	-	-
22	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	211.500.000.000	169.200.000.000
23	Các tài sản đầu tư khác	80%	-	-
		Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		%	VND	VND
IX	Rủi ro tăng thêm			
1	Chứng chỉ quỹ Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam	10%	6.072.069.579	607.206.958
2	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả - Khánh Hòa	20%	73.200.000.000	14.640.000.000
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	30%	96.000.000.000	28.800.000.000
A	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A = I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)			225.803.351.687

Các thuyết minh từ trang 17 đến trang 31 là một phần cấu thành của báo cáo này.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)

B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro VND						Tổng giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán								
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác.	-	-	-	-	7.668.746.601	8.032.273	7.676.778.874
2.	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3.	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN								7.676.778.874

Ghi chú:

- (1): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- (2): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- (3): Giá trị rủi ro thanh toán đối với tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc khối OECD.
- (4): Giá trị rủi ro thanh toán đối với tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ngoài các nước thuộc khối OECD.
- (5): Giá trị rủi ro thanh toán đối với tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, quỹ đầu tư chứng khoán, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam.
- (6): Giá trị rủi ro thanh toán đối với các tổ chức cá nhân khác.

Các thuyết minh từ trang 17 đến trang 31 là một phần cấu thành của báo cáo này.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)

B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (TIẾP THEO)

2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
II	Rủi ro quá thời hạn thanh toán			
1.	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	3.287.671	526.027
2.	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	-	-
3.	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	3.397.260	1.630.685
4.	Từ 60 ngày trở đi	100%	3.287.671	3.287.671
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				5.444.383

3. Rủi ro từ các khoản tạm ứng, các hợp đồng, giao dịch khác

	Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
III	Rủi ro từ các khoản tạm ứng, các hợp đồng, giao dịch khác			
1.	Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 10 Thông tư 91/2020/TT-BTC; các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC) (Chi tiết từng đối tượng).	100%	-	-
2.	Khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày (Chi tiết từng đối tượng).	100%	-	-

4. Rủi ro tăng thêm

	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
IV	Rủi ro tăng thêm			
1	Công ty TNHH MTV Home Credit Việt Nam	10%	3.765.205.479	376.520.548
2	Công ty tài chính Cổ phần Điện Lực	10%	3.000.000.000	300.000.000
TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM				676.520.548
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III+IV)				8.358.743.805

Các thuyết minh từ trang 17 đến trang 31 là một phần cấu thành của báo cáo này.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)

C. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

	Chỉ tiêu	Giá trị VND
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025	4.162.028.795
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	(8.745.742.507)
	1. Chi phí khấu hao	157.199.796
	2. Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(1.910.539.827)
	3. Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(7.096.084.666)
	4. Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	103.682.190
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	12.907.771.302
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25%×III)	3.226.942.826
V.	20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán (25% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán có nghiệp vụ chứng khoán phái sinh)	5.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})		5.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		239.162.095.492

Các thuyết minh từ trang 17 đến trang 31 là một phần cấu thành của báo cáo này.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị: VND

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	225.803.351.687
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	8.358.743.805
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	5.000.000.000
4	Tổng giá trị rủi ro (4 = 1 + 2 + 3)	239.162.095.492
5	Vốn khả dụng	436.294.630.690
6	Tỷ lệ vốn khả dụng (6 = 5/4)	182,43%



Trần Mạnh Tiến
Phụ trách kế toán



Bùi Thị Quý
Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ



Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Các thuyết minh từ trang 17 đến trang 31 là một phần cấu thành của báo cáo này.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“UBCKNN”) cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105059466 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2010. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và điều chỉnh gần nhất số 46/GPĐC-UBCK được cấp ngày 21 tháng 6 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 14) được cấp ngày 28 tháng 6 năm 2024.

Chủ sở hữu của Công ty là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, một ngân hàng được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam (Thuyết minh 5.11).

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 24 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 25 nhân viên).

2 CƠ SỞ VIỆC LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

2.1 Văn bản pháp quy và các diễn giải được áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (“Báo cáo”) được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 91/2020/TT-BTC”) quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam.

Báo cáo này được lập nhằm tuân thủ quy định về quản lý an toàn tài chính và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Do đó, Báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

2 CƠ SỞ VIỆC SOẠN LẬP BÁO CÁO (TIẾP THEO)

2.2 Cơ sở số liệu tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (“ngày lập báo cáo” hoặc “ngày tính toán”) và cho giai đoạn 12 tháng tính đến ngày lập báo cáo.

Đơn vị tiền tệ được trình bày trên Báo cáo là Đồng Việt Nam (“Đồng” hoặc “VND”).

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

3.1 Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

3.2 Vốn khả dụng

Theo Thông tư 91/2020/TT-BTC, vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày, bao gồm:

- a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có), không bao gồm cổ phiếu quỹ (nếu có);
- b) Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- c) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- d) Quỹ đầu tư phát triển (nếu có);
- e) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- f) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- g) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- h) Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- i) Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- j) Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- k) Các khoản giảm trừ theo quy định tại mục 3.2.1;
- l) Các khoản tăng thêm theo quy định tại mục 3.2.2;
- m) Vốn khác (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2 Vốn khả dụng (tiếp theo)

3.2.1 Các khoản giảm trừ

Vốn khả dụng của công ty quản lý quỹ được điều chỉnh giảm trừ bởi các khoản mục sau:

- a) Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị ghi sổ so với giá thị trường xác định theo Thuyết minh 3.3.2 của các tài sản tài chính ghi theo giá trị ghi sổ, ngoại trừ nhóm chứng khoán bị loại khỏi vốn khả dụng.
- b) Nhóm chứng khoán bị loại khỏi vốn khả dụng, bao gồm:
 - Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty bao gồm (i) công ty mẹ, công ty con của Công ty; và (ii) công ty con của công ty mẹ của Công ty.
 - Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán.
- c) Các chỉ tiêu trong tài sản dài hạn, trừ các chỉ tiêu tại Thuyết minh 3.2.1(f).
- d) Các chỉ tiêu trong tài sản ngắn hạn, bao gồm: chứng khoán thuộc nhóm chứng khoán quy định tại Thuyết minh 3.2.1(b); các khoản trả trước; các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên chín mươi (90) ngày; các khoản tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên chín mươi (90) ngày; các tài sản ngắn hạn khác, trừ các chỉ tiêu tại Thuyết minh 3.2.1(f).
- e) Các khoản bị ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc bị từ chối đưa ra ý kiến (nếu có) trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc soát xét mà chưa được trừ ra khỏi vốn khả dụng theo điểm c và d của Thuyết minh 3.2.1. Trường hợp tổ chức kiểm toán xác nhận là đã hết ngoại trừ thì Công ty không phải trừ đi khoản này.
- f) Các chỉ tiêu trong tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn trên báo cáo tài chính của Công ty được điều chỉnh giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo điểm c và d của Thuyết minh 3.2.1 không bao gồm các chỉ tiêu sau:
 - Các tài sản phải xác định rủi ro thị trường theo Thuyết minh 3.3, ngoại trừ nhóm chứng khoán bị loại khỏi vốn khả dụng;
 - Dự phòng giảm giá đầu tư;
 - Dự phòng phải thu khó đòi;
 - Các hợp đồng, giao dịch phải xác định rủi ro thanh toán theo Thuyết minh 3.4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2 Vốn khả dụng (tiếp theo)

3.2.1 Các khoản giảm trừ (tiếp theo)

Khi xác định các chỉ tiêu tài sản giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty được điều chỉnh giảm phần giá trị giảm trừ như sau:

- Đối với tài sản dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của chính Công ty hoặc cho bên thứ ba (ví dụ như hợp đồng bán có cam kết mua lại mà Công ty là bên bán), khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của (i) giá trị thị trường của tài sản đó xác định theo Thuyết minh 3.3.2, (ii) giá trị sổ sách và (iii) giá trị còn lại của nghĩa vụ;
- Đối với tài sản được bảo đảm bằng tài sản của khách hàng (ví dụ như hợp đồng giao dịch ký quỹ, giao dịch mua có cam kết bán lại mà Công ty là bên mua), khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của (i) giá trị tài sản bảo đảm xác định theo Thuyết minh 3.4.4 và (ii) giá trị sổ sách.

Trong đó, giá trị sổ sách là giá trị còn lại của tài sản bảo đảm (trong trường hợp tài sản cố định) tại thời điểm giao kết hợp đồng hoặc giá trị xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty tại thời điểm giao kết hợp đồng (nếu là loại tài sản khác).

Theo Thông tư 91/2020/TT-BTC, Công ty không phải tính giá trị các loại rủi ro đối với các chỉ tiêu tài sản đã giảm trừ khỏi vốn khả dụng.

3.2.2 Các khoản tăng thêm

Vốn khả dụng của tổ chức kinh doanh chứng khoán được điều chỉnh tăng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu, bởi giá trị của các khoản mục sau:

Các khoản tăng thêm bao gồm:

- a) Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi theo giá trị ghi sổ, không bao gồm nhóm chứng khoán bị loại khỏi vốn khả dụng theo điểm b của Thuyết minh 3.2.1, trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị ghi sổ so với giá trị trường xác định theo Thuyết minh 3.3.2.
- b) Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu

Trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi do Công ty phát hành thỏa mãn tất cả những điều kiện sau:

- (i) Có kỳ hạn ban đầu tối thiểu là năm (5) năm;
- (ii) Không được bảo đảm bằng tài sản của Công ty;
- (iii) Công ty chỉ được mua lại trước thời hạn theo đề nghị của người sở hữu trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi hoặc mua lại trên thị trường thứ cấp sau khi đã thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại Khoản 5 và 6 Điều 7 của Thông tư 91/2020/TT-BTC;
- (iv) Công ty được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ;
- (v) Trong trường hợp Công ty giải thể, người sở hữu trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi chỉ được thanh toán sau khi Công ty đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác;
- (vi) Việc điều chỉnh tăng lãi suất, kể cả việc điều chỉnh tăng lãi suất cộng thêm vào lãi suất tham chiếu chỉ được thực hiện sau năm (5) năm kể từ ngày phát hành và được điều chỉnh một (1) lần trong suốt thời hạn trước khi chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;
- (vii) Đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2 Vốn khả dụng (tiếp theo)

3.2.2 Các khoản tăng thêm (tiếp theo)

b) Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Các công cụ nợ khác thỏa mãn tất cả những điều kiện sau:

- (i) Là khoản nợ mà trong mọi trường hợp, chủ nợ chỉ được thanh toán sau Công ty đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác;
- (ii) Có kỳ hạn ban đầu tối thiểu là mười (10) năm;
- (iii) Không được bảo đảm bằng tài sản của chính Công ty;
- (iv) Công ty được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ;
- (v) Chủ nợ chỉ được Công ty trả nợ trước hạn sau khi đã thông báo cho UBCKNN theo quy định tại các Khoản 5 và 6 Điều 7 của Thông tư 91/2020/TT-BTC;
- (vi) Việc điều chỉnh tăng lãi suất phải đảm bảo như sau:
 - Đối với lãi suất cố định, việc điều chỉnh tăng lãi suất cộng thêm vào lãi suất tham chiếu chỉ được thực hiện sau năm (5) năm kể từ ngày phát hành, ký kết hợp đồng và chỉ được điều chỉnh một (1) lần trong suốt thời hạn của nợ thứ cấp;
 - Đối với lãi suất tính theo công thức, công thức không được thay đổi và chỉ được thay đổi biên độ trong công thức (nếu có) một (1) lần sau năm (5) năm kể từ ngày phát hành, ký kết hợp đồng;
- (vii) Đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC.

Giới hạn khi tính các khoản tăng thêm cho vốn khả dụng:

- Khi xác định giá trị các khoản tăng thêm vào vốn khả dụng từ các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu, Công ty phải tính giảm dần theo nguyên tắc sau:
 - Trong thời gian năm (5) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán, chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu sau mỗi năm gần đến hạn chuyển đổi, thanh toán;
 - Trong thời hạn bốn (4) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán, chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, Công ty khấu trừ tiếp mỗi quý 25% từ phần giá trị còn lại sau khi đã khấu trừ 20% giá trị ban đầu nêu trên.
- Tổng giá trị các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu tại Thuyết minh 3.2.2(b) được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường của công ty quản lý quỹ là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá trị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi và được xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của tổ chức kinh doanh chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay, số chứng khoán được phòng ngừa bởi hợp đồng tương lai và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Kết thúc ngày giao dịch, Công ty phải xác định giá trị rủi ro thị trường đối với các tài sản sau đây:

- Chứng khoán trên tài khoản giao dịch chứng khoán của công ty quản lý quỹ, chứng khoán ủy thác, chứng khoán đầu tư khác. Các chứng khoán trên bao gồm cả số chứng khoán trong quá trình nhận chuyển giao từ bên bán;
- Chứng khoán nhận hỗ trợ từ các cá nhân, tổ chức khác theo quy định của pháp luật, bao gồm chứng khoán đi vay cho bản thân Công ty, chứng khoán đi vay thay mặt cho các cá nhân, tổ chức khác;
- Chứng khoán của khách hàng mà Công ty nhận làm tài sản đảm bảo, sau đó được Công ty sử dụng hoặc cho một bên thứ ba vay phù hợp với quy định của pháp luật;
- Tiền, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, các loại giấy tờ có giá thuộc sở hữu của Công ty.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ;
- Nhóm chứng khoán bị loại khỏi vốn khả dụng nêu tại mục 3.2.1;
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn;
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi hợp đồng tương lai;
- Hợp đồng quyền bán được sử dụng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

3.3.1 Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC và được trình bày tại phần A của Bảng tính giá trị rủi ro trong Báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.2 Giá tài sản

Giá tài sản được xác định theo quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC, cụ thể như sau:

TT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền. công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tài khoản tại ngày tính toán
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tính tại ngày tính toán
3	Tiền gửi có kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tới ngày tính toán
4	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến ngày tính toán.
Trái phiếu		
5	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán của giao dịch thông thường tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế); - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: a) Giá mua cộng lãi lũy kế; b) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; c) Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty, bao gồm cả lãi lũy kế. Tức là: $\text{Max}\{a, b, c\}$.
6	Trái phiếu không niêm yết	Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: a) Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn, cộng lãi lũy kế; b) Giá mua cộng lãi lũy kế; c) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; d) Giá theo quy định nội bộ của Công ty, bao gồm cả lãi lũy kế. Tức là: $\text{Max}\{a, b, c, d\}$.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.2 Giá tài sản (tiếp theo)

TT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
7	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	- Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: a) Giá trị sổ sách; b) Giá mua; c) Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty. Tức là: $\text{Max}\{a, b, c\}$.
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	- Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: a) Giá trị sổ sách; b) Giá mua; c) Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty. Tức là: $\text{Max}\{a, b, c\}$.
9	Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: a) Giá trị sổ sách; b) Giá mua; c) Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty. Tức là: $\text{Max}\{a, b, c\}$.
10	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	- Giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: a) Giá từ các báo giá; b) Giá của kỳ báo cáo gần nhất; c) Giá trị sổ sách; d) Giá mua; e) Giá theo quy định nội bộ của Công ty. Tức là: $\text{Max}\{a, b, c, d, e\}$.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.2 Giá tài sản (tiếp theo)

TT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
11	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: a) Giá trị sổ sách; b) Mệnh giá; c) Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty. Tức là: $\text{Max}\{a, b, c\}$.
12	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó (giá cổ phiếu được chia do tổ chức giải thể, phá sản công bố hoặc giá trị sổ sách) tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá theo quy định nội bộ của Công ty.
13	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: a) Giá trị sổ sách; b) Giá mua/giá trị vốn góp; c) Giá theo quy định nội bộ của Công ty. Tức là: $\text{Max}\{a, b, c\}$.
Quỹ/Cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán		
14	Quỹ đóng đại chúng/quỹ ETF	- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày tính toán là: NAV/1 chứng chỉ quỹ tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.
15	Quỹ thành viên/quỹ mở/cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ	Giá trị tài sản ròng (NAV) trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.
16	Các trường hợp khác	Theo quy định nội bộ của Công ty.
Tài sản cố định		
17	Quyền sử dụng đất	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do Công ty lựa chọn.
18	Nhà cửa/vật kiến trúc bao gồm cả các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do Công ty lựa chọn/chi phí xây dựng cơ bản dở dang lũy kế.
19	Các trang thiết bị, máy móc, phương tiện	Giá trị còn lại của tài sản.
20	Các tài sản cố định khác	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do Công ty lựa chọn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.2 Giá tài sản (tiếp theo)

TT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Chứng khoán khác		
21	Chứng quyền có bảo đảm do Công ty khác phát hành	- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Giá mua (nếu chứng quyền có bảo đảm chưa niêm yết).
22	Cổ phiếu niêm yết trên thị trường nước ngoài	- Giá (theo đồng ngoại tệ) x Tỷ giá chuyển đổi sang đồng tại ngày tính toán; - Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày tính toán. là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: a) Giá trị sổ sách; b) Giá mua; c) Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty. Tức là: $\text{Max}\{a, b, c\}$.

Lãi lũy kế là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm tính toán.

Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Công ty điều chỉnh tăng thêm các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi nếu phát sinh (đối với chứng khoán), hoặc lãi (đối với tiền gửi và các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá) vào giá tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

3.3.3 Giá trị rủi ro tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của mỗi tài sản phải được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm trên 25% trở lên vốn chủ sở hữu của Công ty.

Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm được tính bằng giá trị rủi ro thị trường nhân với hệ số rủi ro tăng thêm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- a. Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành; các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu khách hàng trong hoạt động kinh doanh chứng khoán; các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro

- b. Đối với các khoản phải thu quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể các chứng khoán, tiền chưa nhận được từ giao dịch, hợp đồng đáo hạn quy định tại điểm a nêu trên, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán.

- c. Đối với các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở điểm (a) nêu trên, có các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC), giá trị rủi ro thanh toán là giá trị của toàn bộ tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán.

- d. Đối với các khoản tạm ứng có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày mà giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng chiếm từ trên 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán, giá trị rủi ro thanh toán là giá trị của toàn bộ tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán.

Trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán, toàn bộ khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng phải được giảm trừ đi từ vốn khả dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.1 Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được xác định theo Thông tư 91/2020/TT-BTC như sau:

TT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD, Ủy ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương.	0%
(2)	Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	0,8%
(3)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.	3,2%
(4)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD, hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.	4,8%
(5)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, quỹ đầu tư chứng khoán, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam.	6%
(6)	Các tổ chức, cá nhân khác.	8%

3.4.2 Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian

Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian được quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC như sau:

TT	Thời gian quá hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	Hệ số rủi ro thanh toán
(1)	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%
(2)	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%
(3)	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%
(4)	Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.3 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại, giao dịch khác được xác định như sau:

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo; các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn theo điểm k khoản 1 Điều 10 Thông tư 91/2020/TT-BTC này.	Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giá trị khoản cho vay, giá trị hợp đồng, giá trị giao dịch cộng với các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi (đối với chứng khoán) hoặc lãi tiền gửi, lãi cho vay, khoản phụ phí khác (đối với khoản tín dụng).
2.	Cho vay chứng khoán	$\text{Max} \{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có)}), 0\}$
3.	Vay chứng khoán	$\text{Max} \{(\text{Giá trị tài sản đảm bảo} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng}), 0\}$
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	$\text{Max} \{(\text{Giá trị của hợp đồng tính theo giá mua} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})), 0\}$
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	$\text{Max} \{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường}) - \text{Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}), 0\}$
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	$\text{Max} \{(\text{Số dư nợ} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo}), 0\}$

Ghi chú:

- Số dư nợ bao gồm giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.
- Trường hợp tài sản đảm bảo của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
A – Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc khách hàng của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong hoạt động môi giới)		
1.	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2.	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch) 0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
B – Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc khách hàng của tổ chức kinh doanh chứng khoán)		
1.	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2.	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch) 0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.3 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán (tiếp theo)

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi nếu phát sinh (đối với chứng khoán), hoặc lãi tiền gửi, lãi cho vay và các khoản phụ phí khác (đối với các khoản tín dụng).

Đối với các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn, giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

3.4.4 Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Ngoại trừ giao dịch, hợp đồng quy định tại điểm k khoản 1, điểm b khoản 10 Điều 10 của Thông tư 91/2020/TT-BTC, Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản đảm bảo của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản đảm bảo là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản đảm bảo trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản được giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x Giá tài sản x (1 - Hệ số rủi ro thị trường)

Trong đó:

- Giá tài sản được xác định theo quy định tại Thuyết minh 3.3.2.
- Hệ số rủi ro thị trường được xác định chi tiết cho từng khoản mục tài sản theo quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC và được trình bày tại phần A của Bảng tính giá trị rủi ro trong Báo cáo.

3.4.5 Tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% vốn chủ sở hữu trở lên.

Nhóm tổ chức, cá nhân liên quan tới một tổ chức hoặc một cá nhân (sau đây gọi là nhóm tổ chức, cá nhân liên quan) được xác định theo khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.6 *Bù trừ song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán*

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

3.5 Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định là giá trị lớn nhất của các giá trị sau:

- 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán;
- 20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật.

Chi phí duy trì hoạt động của công ty quản lý quỹ được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn; và
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được Phó Tổng Giám đốc của Công ty (theo ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật của Công ty) phê chuẩn ngày 12 tháng 8 năm 2025


Trần Mạnh Tiến
Phụ trách kế toán


Bùi Thị Quý
Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ


Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

